

Bản án số: **24/2019/HS-ST**  
Ngày 20-11-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH BẮC KẠN**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vương Hồng Giang;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Triệu Quang Trân;

2. Bà Lý Thị Duyên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Lan Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:*** Ông Đào Trọng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

**1. NGUYỄN VĂN T;** Tên gọi khác: (Không); sinh ngày 15 tháng 7 năm 1982, tại huyện CM, tỉnh Bắc Kạn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn NP, xã TM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X;

Bị cáo có vợ là Hà Thị D và có 03 con (Con lớn nhất sinh năm 2001; con nhỏ nhất sinh năm 2004).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú số 13/2019/HSST-LCCT ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**2. Họ và tên: VŨ VĂN T;** Tên gọi khác: (Không); sinh ngày 05 tháng 6 năm 1981, tại huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn NP, xã TM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông: Vũ Văn C và bà Hà Thị Đ;

Bị cáo có vợ là Đỗ Thị Lan H và có 01 con sinh năm 2006;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú số 14/2019/HSST-LCCT ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**3. Họ và tên: NGUYỄN VĂN T;** Tên gọi khác: (Không); sinh ngày: 04 tháng 8 năm 1959 tại huyện CM, tỉnh Bắc Kạn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn NP, xã TM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ;

Con ông: Nguyễn Văn T (Đã chết) và bà: Hà Thị Á (Đã chết);

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị X và có 05 con (Con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1991).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 15/2019/HSST-LCCT ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**4. Họ và tên: HÀ SỸ K;** Tên gọi khác: (Không); sinh ngày: 04 tháng 4 năm 1981;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn NP, xã TM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 02/12;

Con ông: Hà Quang T và bà Đoàn Thị T;

Bị cáo có vợ là Hoàng Thị L và có 03 con (Con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2009);

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú số 16/2019/HSST-LCCT ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**5. Họ và tên: NGUYỄN VĂN Đ;** Tên gọi khác: (Không); sinh ngày: 27 tháng 11 năm 1987 tại huyện CM, tỉnh Bắc Kạn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn NP, xã TM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 02/12;

Con ông: Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X;

Bị cáo có vợ là Đinh Thị T.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 17/2019/HSST-LCCT ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**\* Bị hại:** Hà Đ T, sinh năm 1970, nghề nghiệp: Lao động tự do;

Trú tại: Thôn KC, xã TV, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, (có mặt).

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:**

- Vũ Văn H, sinh năm 1986, nghề nghiệp: Làm ruộng, trú tại: Thôn RT, xã TM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, (có mặt).

- Vũ Đình N, sinh năm 1977, nghề nghiệp: Lao động tự do, trú tại: Thôn NP, xã TM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, (có mặt).

- Phạm Văn Đ, sinh năm 1972, nghề nghiệp: Lao động tự do, trú tại: Thôn NP, xã TM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ ngày 03/5/2019, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Hà Sỹ K và Vũ Văn T2 đều trú tại thôn NP, xã TM cùng ngồi uống rượu tại nhà T1. Trong lúc uống rượu, cả nhóm bàn bạc và thống nhất rủ nhau đi cắt trộm gỗ tại khu đồi Khuổi Máy, thuộc thôn NĐ, xã ML, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn của gia đình ông Hà Đ T, trú tại thôn KC, xã TV. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, T gọi điện cho anh Phạm Văn Đ1 trú cùng thôn xin đi nhờ đường vận chuyển lâm sản do anh Đ1 mở để khai thác gỗ, tin lời T nên anh Đ đã đồng ý. Do không có xe để chở gỗ sau khi trộm cắp được, nên T đã lấy điện thoại di động của T1 rồi đưa cho T2 gọi cho anh Phạm Văn Đ1 nhờ thuê xe giúp để chở gỗ. Trong lúc T, T1, K và T2 đang đợi Phạm Văn Đ1 đến thì có Nguyễn Văn Đ (là con trai của T1) sang nhà T1 chơi. Tại đây, Nguyễn Văn Đ được biết nhóm người này đang chuẩn bị đi trộm cắp gỗ của gia đình ông Tê và Đ đã tham gia. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Phạm Văn Đ1 đến nhà T1 và dùng điện thoại di động gọi cho anh Vũ Văn H và Vũ Đình N để chở gỗ thuê cho nhóm của T và được H và N đồng ý.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T, T1, Đ, K và T2 mang theo một cửa lóc, 01 con dao chặt gỗ và 04 đèn pin rồi cùng đi bộ vào khu đồi nhà ông T để trộm gỗ. Khi vào đến nơi, T2 và T1 đứng soi đèn cho T, Đ và K dùng cửa lóc, dao chặt và chặt nhiều cây gỗ Mỡ trên đồi cây của gia đình ông Tê. Khi chặt xong, cả năm người cùng nhau đẩy số gỗ vừa cắt trộm được xuống chân đồi và tập kết gỗ. Như đã thỏa thuận từ trước, đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, N và H điều khiển 02 xe Tắc tở đến địa điểm tập kết gỗ trên, cả nhóm của T cùng nhau bốc toàn bộ số gỗ vừa trộm cắp được lên 02 xe Tắc tở. Do thấy xe chưa đầy, nên nhóm của T tiếp tục đi xuống khu lán làm kinh tế của gia đình ông T dùng cửa lóc chặt tiếp 03

cây gỗ Mỡ, 02 cây gỗ Xoan và 03 cây gỗ Bồ Đề, rồi bốc tất cả số gỗ trên lên 02 xe Tắc tơ do H và N điều khiển chở về xưởng nhà anh Phạm Văn Đ1.

Sáng ngày 04/5/2019, Nguyễn Văn Đ ra xưởng nhà anh Phạm Văn Đ1 đo được số gỗ Mỡ 5,04 m<sup>3</sup> và gỗ Bồ Đề 0,63 m<sup>3</sup> mà cả nhóm trộm cắp được của gia đình ông T bán toàn bộ số gỗ trên cho anh Đ1 được số tiền 8.100.000đ (Tám triệu một trăm nghìn đồng), còn số gỗ Xoan có khối lượng 0,4 m<sup>3</sup> do Phạm Văn Đ1 không mua, nên khoảng 16 giờ cùng ngày, T đã bán cho một người đàn ông không biết tên, địa chỉ với giá 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng). Sau khi bán được toàn bộ số gỗ trộm cắp được, T, T1, Đ, K và T2 chia nhau hết số tiền trên tiêu sài cá nhân. Đối với (H và N) sau khi chở gỗ thuê cho các bị cáo đã được trả tiền công mỗi người 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Ngày 05/5/2019, ông Hà Đức T đã đến báo Công an xã về việc gia đình ông bị cắt trộm gỗ và chính quyền địa phương đã lập biên bản sự việc nêu trên.

Ngày 07/5/2019, do nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên Nguyễn Văn T đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên. Đối với Phạm Văn Đ1, sau khi mua được số gỗ trên đã băm, bóc 0,963 m<sup>3</sup> gỗ Mỡ và 0,63 m<sup>3</sup> gỗ Bồ Đề trong xưởng của mình, còn lại 4,077 m<sup>3</sup> gỗ Mỡ chưa băm, bóc thì biết đây là tài sản do Đ phạm tội mà có, đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 4,077 m<sup>3</sup> gỗ Mỡ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CM, tỉnh Bắc Kạn các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên. Trên cơ sở kết quả điều tra, xác minh có đủ căn cứ, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CM đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Hà Sỹ K, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngày 09/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CM yêu cầu định giá tài sản đối với số gỗ Mỡ do các bị cáo trộm cắp. Tại Kết luận định giá tài sản số: 16 ngày 13/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện CM kết luận: 4,077 m<sup>3</sup> gỗ Mỡ tròn có giá trị 4.484.700đ.

Ngày 01/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CM yêu cầu định giá tài sản đối với số gỗ Bồ đề do các bị cáo trộm cắp. Tại Kết luận định giá tài sản số: 28 ngày 05/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện CM kết luận: 0,63 m<sup>3</sup> gỗ Bồ đề tròn có giá trị là: 693.000đ; 0,963 m<sup>3</sup> gỗ Mỡ tròn có giá trị là: 1.059.300đ;

Ngày 03/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CM yêu cầu định giá tài sản đối với số gỗ Xoan do các bị cáo trộm cắp. Tại Kết luận định giá tài sản số: 37 ngày 10/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện CM kết luận: 0,4 m<sup>3</sup> gỗ Xoan tròn có giá trị là: 1.240.000đ.

Tổng cộng khối lượng gỗ các bị cáo (T, T1, Đ, K và T2) trộm cắp của gia đình ông Hà Đức T là 6,07 m<sup>3</sup> gỗ Mỡ, Xoan, Bò đề có tổng giá trị là: 7.477.000đ (Bảy triệu bốn trăm bảy mươi bảy đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKSCM ngày 11/10/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố các bị cáo (Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Hà Sỹ K, Vũ Văn T2 và Nguyễn Văn Đ) về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo (Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Hà Sỹ K, Vũ Văn T2 và Nguyễn Văn Đ) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt các bị cáo: (Nguyễn Văn T1, Hà Sỹ K, Vũ Văn T2 và Nguyễn Văn Đ), mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo.

\* Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có tài sản và không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

\* Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Phạm Văn Đ1) không yêu cầu bồi thường, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

\* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 chiếc cửa lóc, màu vàng đỏ (Do Trung Quốc sản xuất), là công cụ phạm tội còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 con dao, loại dao chặt củi, đã qua sử dụng và 04 chiếc đèn pin, loại đèn pin đội đầu.

- Đối với số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) do bị cáo T tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh Bắc Kạn do bán 03 cây gỗ Xoan cho một người đàn ông lạ mặt. Xét thấy, đây là tiền do bán tài sản trộm cắp mà có, cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14. Đối với các bị cáo: (Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Hà Sỹ K và Vũ Văn T2) thuộc hộ nghèo và đã có đơn xin miễn án phí, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho các bị

cáo. Đối với bị cáo (Nguyễn Văn Đ) phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo có lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện CM, tỉnh Bắc Kạn trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội, chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo đã cùng nhau bàn bạc, lén lút, bí mật trộm cắp 63 cây gỗ Mỡ, 03 cây gỗ Bò đề, 03 cây gỗ Xoan của ông Hà Đức T vào đêm ngày 03/5/2019, hành vi của các bị cáo là cố ý thực hiện tội phạm, tài sản do các bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá có giá trị: 7.477.000đ. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo (Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Đ, Hà Sỹ K và Vũ Văn T2) đã có hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

*Điều luật có nội dung:*

*"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"*

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý, bảo vệ tài sản. Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng không chịu lao động, lợi dụng đêm tối, lén lút bí mật trộm cắp tài sản. Tài sản do các bị cáo trộm cắp gồm 6,07 m<sup>3</sup> gỗ Mỡ, Xoan và Bò đề có giá trị 7.477.000đ, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định

tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tình hình trộm cắp tài sản hiện nay tại địa bàn huyện CM đang có chiều hướng gia tăng, phức tạp. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo, nhằm giáo dục răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Đánh giá vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, xét thấy đây là vụ án do các bị cáo cùng nhau bàn bạc đi trộm cắp gỗ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, không xác định được ai là người chủ mưu, cầm đầu để phân công vai trò cụ thể cho từng người. Vì vậy, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, cùng thực hiện tội phạm.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Xét thấy, các bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, trong quá trình điều tra các bị cáo tự nguyện cùng nhau bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000đ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Do vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: "*Người phạm tội tự nguyện, sửa chữa, bồi thường thiệt hại*", "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" và "*Người phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, do vậy các bị cáo được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T do biết hành vi của mình, ngày 07/5/2019 đã đến Cơ quan điều tra đầu thú về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo T được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong vụ án này, Phạm Văn Đ1 là người cho các bị cáo đi nhờ đường để vận chuyển gỗ và tiêu thụ gỗ do các bị cáo phạm tội mà có. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, xác định hành vi của Đ1 khi mua gỗ không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về hình sự đối với Đ1, xét thấy là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Đối với (Vũ Văn H và Vũ Đình N) là người được các bị cáo thuê chở gỗ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, xác định H và N khi được các bị cáo thuê vận chuyển gỗ không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về hình sự đối với H và N, xét thấy, là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông lạ mặt đã mua 0,4 m<sup>3</sup> gỗ Xoan của bị cáo Nguyễn Văn T, qua điều tra xác định T không biết tên, tuổi và địa chỉ cụ thể, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xem xét trách nhiệm của người này cũng như không thu giữ được số gỗ Xoan trên trong vụ án này, xét thấy là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Tuy

nhien, xét thấy các bị cáo là lao động tự do, thuộc hộ nghèo, không có thu nhập ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo tự nguyện hoàn trả lại cho anh Phạm Văn Đ1 số tiền 8.100.000đ và bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000đ, bị hại Hà Đức T và anh Đ1 nhất trí không có yêu cầu gì, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại số gỗ Mỡ do Phạm Văn Đ1 giao nộp là 4,077 m<sup>3</sup>; Đối với 0,63 m<sup>3</sup> gỗ Bò Đe và 0,963 m<sup>3</sup> gỗ Mỡ mà Phạm Văn Đ1 đã băm, bóc tại xưởng, hiện nay Phạm Văn Đ1 đã thỏa thuận mua lại và đã trả cho bị hại số tiền 1.752.300đ; Đối với 0,4 m<sup>3</sup> gỗ Xoan mà bị cáo Nguyễn Văn T đã bán cho người đàn ông lạ mặt được số tiền 700.000đ, qua điều tra xác định T không biết tên, tuổi và địa chỉ cụ thể của người này, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được số gỗ trên. Tuy nhiên, hiện nay bị cáo T đã tự nguyện giao nộp số tiền 700.000đ tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền trên.

Đối với 01 chiếc cửa lóc, xét thấy đây là công cụ phạm tội vẫn còn giá trị sử dụng, cần tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 con dao chặt gỗ và 04 đèn pin là công cụ phạm tội, xét thấy đã han rỉ không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 điện thoại di động của (T1 và T) đã bị rơi trong quá trình trộm cắp gỗ không thu giữ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/NQUBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo (Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Hà Sỹ K và Vũ Văn T2) thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính phủ và đã có đơn xin miễn án phí, được miễn án phí hình sự sơ thẩm, còn bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Hà Sỹ K, Vũ Văn T2 và Nguyễn Văn Đ phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2.1. Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T1 **15** (Mười năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **30** (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T1 cho Ủy ban nhân dân xã TM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2.2. Xử phạt bị cáo: Hà Sỹ K **15** (Mười năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **30** (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo K cho Ủy ban nhân dân xã TM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2.3. Xử phạt bị cáo: Vũ Văn T2 **15** (Mười năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **30** (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T2 cho Ủy ban nhân dân xã TM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2.4. Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn Đ **15** (Mười năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **30** (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đ cho Ủy ban nhân dân xã TM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2.5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **12** (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **24** (Hai mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã TM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

**3. Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 chiếc Cưa lóc, màu vàng đỏ (Do Trung Quốc sản xuất).

- Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) con dao chặt gỗ và 04 (Bốn) chiếc đèn pin là công cụ phạm tội, đã hạn rỉ không còn giá trị sử dụng.

*(Tất cả tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 14/10/2019 giữa Công an huyện CM với Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM).*

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) do Nguyễn Văn T nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh Bắc Kạn theo biên lai số 07472 ngày 01/10/2019.

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo (Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Hà Sỹ K và Vũ Văn T) được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật*

*Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”*

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện CM;
- Công an huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Vương Hồng Giang**